| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 3- HÀ NỘI** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 330/2025/QĐST-VHNGĐ | *Hà Nội, ngày 17 tháng 9 năm 2025* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, Điều 149, khoản 4 Điều 397, Điều 212, Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 55, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 275/2025/TLST-VHNGĐ ngày 05/9/2025 về việc "*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thoả thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn"*gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1981; HKTT và Nơi ở hiện nay: Thôn 1, xã V, thành phố Hải Phòng.
- Chị Nguyễn Thị Ánh N, sinh năm 1982; HKTT: Số xx N, TDP Đ, phường Đ, tỉnh Quảng Trị; Nơi ở hiện nay: N, phường H, thành phố Hà Nội.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Anh Nguyễn Văn D và chị Nguyễn Thị Ánh N kết hôn hoàn toàn do tự nguyện, được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, quận Đ, tỉnh Quảng Bình (nay thuộc phường Đ, tỉnh Quảng Trị) vào ngày 07/3/2008. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại số xx N, TDP Đ, phường Đ, tỉnh Quảng Trị. Được khoảng 06 năm thì vợ chồng cùng nhau sang nước CHLB Đức lao động. Được một thời gian anh D về Việt Nam và sinh sống tại quê nhà ở tỉnh H. Một thời gian sau chị N cũng về nước và sinh sống tại Đ, Quảng Trị, sau đó đưa hai con ra Hà Nội sinh sống. Do khoảng cách địa lý và bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân từ hơn 06 năm nay, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Tại buổi hòa giải ngày 09/9/2025 tại Tòa án nhân dân Khu vực 3- Hà Nội, anh D và chị N không đồng ý đoàn tụ do tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng không khắc phục được nên đã thuận tình ly hôn và thỏa thuận được với nhau về các vấn đề con chung, tài sản chung, công nợ chung, về nghĩa vụ chịu lệ phí giải quyết việc Hôn nhân gia đình.

Xét thấy việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải đoàn tụ không thành ngày 09 tháng 9 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn D và chị Nguyễn Thị Ánh N thuận tình ly hôn.

1.2. Về con chung: Anh D và chị N có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Kiều G, sinh ngày 16/12/2007 và cháu Nguyễn M, sinh ngày 31/01/2017. Anh D, chị N thống nhất thoả thuận giao cả hai con chung cho chị N là người trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi cháu Nguyễn Thị Kiều G, và cháu Nguyễn M trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có quyết định có hiệu lực pháp luật khác. Vợ chồng tự thoả thuận về việc cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xét. Dành yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung để giải quyết bằng một vụ án dân sự khác khi các đương sự có yêu cầu. Anh D có quyền, nghĩa vụ qua lại thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở.

1.3. Về tài sản chung, nhà đất và công nợ chung: Vợ chồng tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét.

2. Về lệ phí: Chị Nguyễn Thị Ánh N tự nguyện chịu cả 300.000 đồng lệ phí việc Hôn nhân gia đình, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng mà chị N đã nộp tại Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội theo biên lai số 0005955 ngày 29 tháng 8 năm 2025. Chị N đã nộp đủ lệ phí việc hôn nhân gia đình.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**
*- VKSND Khu vực 3- Hà Nội;*
*- Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội;*
*- UBND phường H, Đồng Hới, Quảng Bình (trước thời điểm sáp nhập ngày 01/7/2025) theo GCNKH số 05 ngày 07/3/2008;*
*- Đương sự;*
*- Lưu HS-VP.*

**THẨM PHÁN**

**Đỗ Thị Kim Oanh**

***<u>Hướng dẫn sử dụng mẫu số 31-DS:</u>***

(1) Ghi tên Toà án ra thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; nếu Tòa án ra thông báo là Toà án nhân dân cấp huyện cần ghi tên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện Việt Yên tỉnh Bắc Giang). Nếu Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2), (3), (4) và (5) Ghi lần lượt đương sự của vụ án và tư cách tham gia tố tụng của họ. Nếu là cá nhân thì ghi họ tên, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của người được thông báo; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên, địa chỉ của cơ quan, tổ chức được thông báo (ghi theo đơn khởi kiện). Cần lưu ý đối với cá nhân, thì tuỳ theo độ tuổi mà ghi Ông hoặc Bà, Anh hoặc Chị trước khi ghi họ tên (ví dụ: Kính gửi: Ông Nguyễn Văn A).

(6) Ghi đầy đủ nội dung các vấn đề cần hòa giải trong vụ án (ví dụ: trong vụ án ly hôn các vấn đề cần được hoà giải có thể bao gồm: quan hệ hôn nhân, nuôi con, chia tài sản chung của vợ chồng và các vấn đề khác có liên quan, (nếu có)).